TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HS-PT
Ngày: 26-7-2024

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Ông Nguyễn Thiện Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Dương Phát – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Huỳnh Hoàng L, Nguyễn Hoàng B và Trần Thành Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Dương Kiều P**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2002, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình P1 sinh năm 1978 và bà Thi Thị K sinh năm 1984, bị cáo không có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 26/9/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Kiều P: Bà Lê Kim D là Luật sư Văn phòng luật sư Lê Quang H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L.

2. **Nguyễn Huỳnh Hoàng L**, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2002 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc; Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí T sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị Mỹ D1 sinh năm 1969; bị cáo không có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 26/9/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. **Nguyễn Hoàng B**, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2003, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc; Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng S sinh năm 1961 (chết) và bà Trương Thị M sinh năm 1961; bị cáo không có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 08/11/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, có mặt.

4. **Trần Thành Đ**, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2004 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ô4, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T1 và bà Trương Mỹ A, bị cáo không có vợ con; tiền án: Không có; tiền sự: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 11572/QĐ – XPHC ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xử phạt Trần Thành Đ 1.500.000đồng về hành vi "Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử trái phép", chấp hành xong ngày 28/02/2024; bị tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 07/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, có mặt.

Ngoài ra, còn có 16 bị cáo khác là Phan Phúc V, Huỳnh Minh P2, Nguyễn Phước T2, Huỳnh Anh K1, Phạm Văn V1, Nguyễn Đăng K2, Phan Quốc D2, Phạm Thanh N, Trần Tấn P3, Nguyễn Thị Ngọc G, Phạm Chí H1, Huỳnh Quốc V2, Huỳnh D3, Huỳnh Văn L1, Lê Trọng N1, Nguyễn Duy K3 không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo, không triệu tập đến phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Tấn A1, Nguyễn Thị P4, Nguyễn Huy B1, Huỳnh Châu T4, Tô Thị Bé B2, Bùi Thị Yến N2, Thi Huỳnh S1, Nguyễn Thị Huế A2, Nguyễn Thị T5, Sơn Thị Thanh N3, Lương Hoài N4, Nguyễn Thị Bảo N5, Huỳnh Phạm Thị Tuyết L2, Võ Duy T6, Nguyễn Thị Thu H2, Trần Thị Mộng N6, Nguyễn Tuấn Đ1, \ Lưu Thị Tuyết M1, Võ Thị Thùy L3, Phan Thanh T7, Đào Văn V3; Người chứng kiến: Đoàn Văn M2, Nguyễn Văn R, Mai Hà L4, Trần Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Minh P2, Phạm Chí H1, Huỳnh Quốc V2 và L5, không rõ nhân thân, lai lịch là nhân viên phục vụ tại quán K4 thuộc ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, do Nguyễn Thanh T3 làm chủ. Trong quá trình làm việc tại đây, P2, H1, V2 và L5 thấy nhiều khách đến quán thuê phòng hát karaoke có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên P2, H1, V2 và L5 đã tập hợp các thẻ nhựa mà khách sử dụng chất ma túy xong vứt tại các phòng lại, đến khi nào khách thuê phòng hát karaoke có nhu cầu sử dụng chất ma túy thì P2, H1, V2 và L5 sử dụng những thẻ nhựa này và đĩa sứ có sẵn tại quán dùng đựng trái cây cung cấp cho khách để nhận tiền phục vụ tiêu xài. P2, H1, V2 và L5 thỏa thuận tất cả số tiền nhận được từ việc phục vụ bia, nước đá, trái cây cho khách trong các phòng hát và tiền thừa từ việc thanh

toán tiền phòng mà khách không nhận lại sẽ bỏ vào heo đất, đến tối thứ hai hàng tuần sẽ lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 03 năm 2023 đến tháng 5 năm 2023 và khoảng giữa tháng 8 năm 2023, H1, V2 và P2 lần lượt cung cấp các dụng cụ là đĩa sứ và thẻ nhựa cho khách đến thuê phòng hát karaoke có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy. Số tiền thu lợi không nhớ rõ bao nhiêu, lần cuối chia tiền trong heo đất vào ngày 11/9/2023, được số tiền 4.500.000 đồng, sau đó được thay bằng con heo đất mới, có màu cam. Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 17/9/2023, H1, V2 và P2 không nhận được tiền phục vụ từ khách nên không bỏ tiền vào heo đất.

Đến ngày 17/9/2023, Nguyễn Thanh T3 đi công việc nên giao quán karaoke S2 lại cho P2, H1 và V2 quản lý, riêng L5 không đến quán làm việc. Trong khoảng thời gian từ 23 giờ ngày 17/9/2023 đến khoảng 00 giờ ngày 18/9/2023, P2, H1 và V2 đã cung cấp dụng cụ dùng sử dụng trái phép chất ma túy cho khách tại các phòng hát karaoke, cụ thể như sau:

Tại phòng hát số 9: Khoảng 19 giờ ngày 17/9/2023, Dương Kiều P, Huỳnh D3, Huỳnh Văn L1, Lê Trọng N1, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ hẹn nhau ăn uống tại quán ăn B3 trên đường C thuộc thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, cả nhóm thống nhất cùng nhau thuê xe taxi đi đến quán K4 để hát karaoke, P gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn Tuấn Đ1, Lưu Thị Tuyết M1 và Võ Thị Thùy L3 đến cùng hát karaoke. Đến khoảng 00 giờ ngày 18/9/2023, P, D3, L1, N1, K3, B và L đến quán karaoke S2 được nhân viên Phạm Chí H1 dẫn vào phòng hát số 09. Tại đây, L1 nói muốn sử dụng chất ma túy nên hỏi ý kiến những người còn lại, tất cả thống nhất mua chất ma túy vào cùng nhau sử dụng tới khi trời sáng, tiền mua chất ma túy và tiền thuê phòng hát sẽ chia đều cho từng người trong nhóm. Sau đó, L1 gọi nhân viên mang chất ma túy vào phòng thì có 01 người đàn ông, không xác định nhân thân, lai lịch mang 04 túi nylon chứa chất ma túy, loại Ketamine vào phòng bán cho P, D3, L1, N1, K3, B, L và Thành Đ, người bán ma túy nói tiền mua chất ma túy sẽ trả khi trả phòng hát rồi bỏ ra ngoài. Một người trong nhóm của L1 không xác định được là ai kêu H1 mang đĩa sứ, thẻ nhựa vào phòng để cả nhóm sử dụng trái phép chất ma túy, H1 đồng ý. H1 đi đến quầy lễ tân lấy 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa, 01 ống hút được làm bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng mang vào phòng số 9, H1 đổ chất ma túy từ túi nylon vào đĩa sứ, sử dụng bật lửa làm nóng đĩa sứ có chứa chất ma túy bên trong rồi để đĩa sứ, thẻ nhựa và ống hút được làm bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng lại trên bàn và đi ra ngoài đến quầy lễ tân của quán ngồi. Tấn Đ2, M1 và L3 đến. Lúc này, P nói tiền mua chất ma túy và tiền thuê phòng hát sẽ được chia đều cho những người tham gia sử dụng chất ma túy, Tấn Đ2, M1 và L3 không đồng ý tham gia sử dụng chất ma túy. Sau đó, P, D3, L1, N1, K3, B, L và Thành Đ sử dụng chất ma túy trên đĩa sứ. Đến khoảng 01 giờ 20 phút ngày 18/9/2023, khi P, D3, L1, N1, K3, B và L đang trong phòng hát số 9 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng tạm giữ: 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 23cm, trên đĩa có chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là chất ma túy loại Ketamine (chất tinh thể trên đĩa được niêm phong trong 01 túi nylon có rãnh khép); 04 túi nylon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy loại Ketamine; 01 ống hút được làm bằng tờ tiền Polyme, mệnh giá 10.000 đồng; 01 thẻ nhựa màu trắng, hình chữ nhật, kích thước 8,5 x 5,5cm.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 18/9/2023 của Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An xác định nước tiểu của Dương Kiều P, Huỳnh D3, Huỳnh Văn L1, Lê Trọng N1, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ dương tính với chất ma túy trong cơ thể; Nguyễn Tuấn Đ1, Lưu Thị Tuyết M1 và Võ Thị Thùy L3 âm tính với chất ma túy trong cơ thể do những người này không sử dụng chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 964/KL-KTHS ngày 26/9/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh L kết luận:

"1. Bì thư M1: Chất bột màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khép được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,6697 gam, loại Ketamine.

2. Bì thư M2: Tinh thể màu trắng đựng trong 04 túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma tuý, có tổng khối lượng: 6,2971 gam, loại: Ketamine.

Kèm theo Kết luận giám định: Không có.

Bản ảnh giám định gồm 13 ảnh được lưu tại Phòng K5, Công an tỉnh L.

H3 lại đối tượng giám định: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4118 gam (bì thư M1); 5,1964 gam (bì thư M2) và vỏ bao đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 964./."

Sau khi bị Công an kiểm tra, Phạm Chí H1 nhận thấy hành vi cung cấp đĩa sứ và thẻ nhựa là các dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy cho nhóm khách 07 người tại phòng số 9 sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Ngày 18/9/2023, H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Phúc V phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Huỳnh Minh P2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy "; các bị cáo Nguyễn Phước T2, Huỳnh Anh K1, Phạm Văn V1, Nguyễn Đăng K2, Phan Quốc D2, Phạm Thanh N, Trần Tấn P3 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy "; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy " và phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy "; bị cáo Phạm Chí H1 và Huỳnh Quốc V2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy "; các bị cáo Dương Kiều P, Huỳnh D3, Huỳnh Văn L1, Lê Trọng N1, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L, Trần Thành Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Kiều P 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 26/9/2023).

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Hoàng L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 26/9/2023).

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 08/11/2023).

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thành Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 07/02/2024).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Các ngày 28/4/2024, 03/5/2024, 6/5/2024, các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng, không oan.

Bị cáo Dương Kiều P trình bày: Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, cha mẹ bị cáo đã ly hôn, cha bị cáo có gia đình khác, chỉ có bị cáo sống với mẹ, mẹ của bị cáo bị bệnh rất nặng, bản thân bị cáo phải đi làm thuê để nuôi và chăm sóc cho mẹ, nên bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình. Do bạn bè rủ rê mà bị cáo vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh Hoàng L trình bày: Hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, cha bị cáo đang bị bệnh nặng và đang được trợ cấp xã hội. Ngoài ra bị cáo đang bảo lưu việc học tại Trường Đại học, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Hoàng B trình bày: Hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đang chăm sóc cha mẹ già, đang mất sức lao động, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ kháng cáo trong thời hạn của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng quy định pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Kiều P 01 năm tù, các bị cáo Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng tù. Các bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của các bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo P, B và L kháng cáo có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình là tiết giảm nhẹ mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, do đó có căn cứ giảm một phần hình phạt cho các bị cáo B và bị cáo L. Đối với bị cáo P thì mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với các bị cáo Đ kháng cáo nhưng không có bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới ngoài các tình tiết cấp sơ thẩm áp dụng, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Xét đề nghị được hưởng án treo của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm những quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được tác hại của ma túy và việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Do đó đối với các bị cáo B, L, Đ Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo là có căn cứ. Riêng bị cáo P, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, cha mẹ bị cáo đã ly hôn, bị cáo sống với mẹ, mẹ bị cáo đang bệnh nặng, bị cáo là lao động duy nhất để chăm sóc cho mẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và hiện nay có việc làm ổn định, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một

phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Dương Kiều P, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thành Đ, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đề nghị giảm cho các bị cáo B, L mỗi bị cáo 3 tháng tù, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo P và Đ, cho bị cáo P được hưởng án treo. Các bị cáo P, L, B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Kiều P trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật như cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Dương Kiều P. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết là hiện nay bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bị cáo đang nuôi mẹ bị bệnh nặng, có thể mất bất cứ lúc nào. Bị cáo P là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Khoảng 00 giờ ngày 18/9/2023, tại quán K4 thuộc ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, Phạm Chí H1 có hành vi cung cấp 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa và 01 ống hút được làm bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng cho Huỳnh D3, Huỳnh Văn L1, Lê Trọng N1, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Hoàng B, Trần Thành Đ, Dương Kiều P và Nguyễn Huỳnh Hoàng L làm dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát số 9. P, D3, L1, N1, K3, B, Thành Đ và L cùng thống nhất mua chất ma túy từ người không rõ nhân thân, lai lịch để sử dụng, chất ma túy còn lại trên đĩa sứ và trên bàn chưa sử dụng hết có tổng khối lượng 6,9668 gam, loại Ketamine. Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Huỳnh D3, Huỳnh Văn L1, Lê Trọng N1, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Hoàng B, Trần Thành Đ, Dương Kiều P và Nguyễn Huỳnh Hoàng L có đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trần Thành Đ là lao động chính trong gia đình, được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo Dương Kiều P, có cha, mẹ ly hôn từ khi bị cáo còn nhỏ, bị cáo hiện đang sống với mẹ ruột, đồng thời mẹ bị cáo hiện đang bệnh nặng, chỉ có một mình bị cáo là người chăm sóc, nuôi dưỡng, là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Dương Kiều P 01 năm tù, các bị cáo Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ mỗi bị cáo 01 năm 3 tháng tù, các bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

[5] Xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo: Đối với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của các bị cáo gây ra. Đối với bị cáo Dương Kiều P thì mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng B kháng cáo có bổ sung tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình và bị cáo Nguyễn Hoàng Hoàng L có cha bị bệnh nặng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo nên có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Thành Đ thì bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới ngoài các tình tiết cấp sơ thẩm áp dụng, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét yêu cầu xin hưởng án treo của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm những quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được tác hại của ma túy và việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Do đó, đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L, Trần Thành Đ Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo là có căn cứ. Riêng bị cáo Dương Kiều P, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, cha mẹ bị cáo đã ly hôn, bị cáo sống với mẹ, mẹ bị cáo đang bệnh nặng, bị cáo là người duy nhất để chăm sóc cho mẹ, là lao động chính trong đình; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và hiện nay có việc làm ổn định; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo P chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với bị cáo, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do một phần kháng cáo được chấp nhận. Bị cáo Trần Thành Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; các điểm e, c Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thành Đ. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, giảm hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L; giữ nguyên hình phạt các bị cáo và Trần Thành Đ, Dương Kiều P; cho bị cáo Dương Kiều P được hưởng án treo.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L và Trần Thành Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1.1. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Kiều P 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Dương Kiều P về Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo qui định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.2. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Hoàng L 01 (một) năm tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian từ ngày 18/9/2023 đến ngày 26/9/2023 đã tạm giữ, tạm giam.

1.3. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B 01 (một) năm tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian từ ngày 18/9/2023 đến ngày 08/11/2023 đã tạm giữ, tạm giam.

1.4. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thành Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian từ ngày 18/9/2023 đến ngày 07/02/2024 đã tạm giữ, tạm giam.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thành Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Dương Kiều P, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Huỳnh Hoàng L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phượng